

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Hội đồng thi đánh giá trình độ tiếng Anh chuẩn
đầu ra dành cho sinh viên đại học đợt 1 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
DÀNH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2025**
MÔN THI: TIẾNG ANH
PHÒNG THI: 02

Kỹ năng: Nói

Ngày thi: 25/05/2025

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã đề	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
1	TA 088	220173104030022	Phạm Thị Mỹ Duyên	20/02/2004	Nữ					
2	TA 089	210173104030078	Nguyễn Trường Giang	26/08/2003	Nam					
3	TA 090	210173404060024	Đỗ Thái Hà	09/06/2003	Nữ					
4	TA 091	2073104030062	Đoàn Thu Hà	07/03/2002	Nữ					
5	TA 092	210174802010103	Nguyễn Hồng Hà	20/05/2003	Nữ					
6	TA 093	210173404060091	Nguyễn Ngọc Hà	12/05/2003	Nữ					
7	TA 094	220173104030028	Nguyễn Việt Hà	10/04/2004	Nữ					
8	TA 095	17D3101990010	Phạm Thu Hà	26/07/1999	Nữ					
9	TA 096	220173104030029	Trịnh Thu Hà	18/10/2003	Nữ					
10	TA 097	210171401140077	Đinh Đăng Hải	31/07/2003	Nam					
11	TA 098	210173104030079	Nguyễn Thị Hải	01/03/2003	Nữ					
12	TA 099	1512D52025	Nguyễn Văn Hải	26/08/1997	Nam					
13	TA 100	220171401140015	Hoàng Minh Hằng	17/01/2003	Nữ					
14	TA 101	210173104030046	Hoàng Thị Thuý Hằng	10/07/2003	Nữ					
15	TA 102	210174802010166	Lưu Thu Hằng	27/11/2003	Nữ					
16	TA 103	210173104030128	Ngô Thị Thuý Hằng	23/10/2003	Nữ					
17	TA 104	210171401140078	Nguyễn Thuý Hằng	20/12/2002	Nữ					
18	TA 105	2073104030077	Phan Thị Thu Hạnh	04/10/2002	Nữ					
19	TA 106	2074802010079	Nguyễn Duy Hiến	15/02/2002	Nam					
20	TA 107	210171401140080	Bùi Thị Thu Hiền	30/10/2001	Nữ					
21	TA 108	210173404060028	Phạm Ngô Thanh Hiền	20/10/2003	Nữ					
22	TA 109	210173104030081	Trương Thị Hiền	01/03/2003	Nữ					
23	TA 110	2073104030084	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	07/12/2002	Nữ					
24	TA 111	210173104030012	Nguyễn Tiến Hiệp	01/01/2002	Nam					
25	TA 112	210173104030013	Lê Phương Hiếu	18/12/2003	Nữ					
26	TA 113	2074802010080	Nguyễn Tiến Hiếu	23/12/2002	Nam					
27	TA 114	210173104030015	Phạm Minh Hiếu	26/03/2003	Nam					
28	TA 115	210173101010065	Phùng Minh Hiếu	23/12/2003	Nam					
29	TA 116	210173104030110	Nguyễn Thị Hoa	20/02/2003	Nữ					
30	TA 117	210173104030017	Nguyễn Thị Vi Hoa	18/02/2003	Nữ					

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã đề	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
31	TA 118	210173404060092	Trần Thị Thu Hoài	19/03/2003	Nữ					
32	TA 119	210174802010137	Nguyễn Tuấn Hoàng	16/01/2002	Nam					
33	TA 120	210173104030047	Nguyễn Văn Hoàng	12/09/2003	Nam					
34	TA 121	210171401140004	Hứa Thị Hồng	21/05/2003	Nữ					
35	TA 122	210173404060120	Nguyễn Thị Hồng	16/02/2003	Nữ					
36	TA 123	210173404060078	Tạ Thị Bích Hồng	07/11/2003	Nữ					
37	TA 124	221073104030033	Vũ Thị Hồng	31/10/2004	Nữ					
38	TA 125	210174802010106	Đàm Thế Hùng	30/07/2003	Nam					
39	TA 126	210174802010168	Lê Trung Hùng	18/03/2003	Nam					
40	TA 127	210171401140085	Trần Duy Hưng	20/11/2003	Nam					
41	TA 128	210173101010066	Bùi Yến Hương	09/01/2003	Nữ					
42	TA 129	210173404060032	Đặng Thị Hương	07/12/2003	Nữ					
43	TA 130	210173104030152	Đinh Thị Thu Hương	09/11/2003	Nữ					
44	TA 131	210173101010031	Lê Thị Hương	03/02/2003	Nữ					
45	TA 132	210171401140019	Lê Thu Hương	29/11/2003	Nữ					
46	TA 133	210173404060033	Nguyễn Diễm Hương	23/12/2003	Nữ					
47	TA 134	2074802010089	Phạm Mai Hương	12/12/2002	Nữ					
48	TA 135	2073104030087	Phạm Thanh Hương	17/12/2002	Nữ					
49	TA 136	210173104030086	Trần Thu Hương	06/03/2003	Nữ					
50	TA 137	210171401140082	Bùi Cao Huy	11/02/2003	Nam					
51	TA 138	210174802010105	Nguyễn Quang Huy	10/02/2003	Nam					
52	TA 139	2074802010004	Phạm Đoàn Quang Huy	03/09/2002	Nam					
53	TA 140	2073104030037	Trần Quang Huy	21/09/1999	Nam					
54	TA 141	210173104030019	Vũ Quang Huy	02/03/1999	Nam					
55	TA 142	210173104030020	Đỗ Thị Ngọc Huyền	11/11/2003	Nữ					
56	TA 143	220173401010016	Lê Thị Thu Huyền	28/10/2004	Nữ					
57	TA 144	1873104030027	Nguyễn Thị Khánh Huyền	19/05/2000	Nữ					
58	TA 145	210173404060031	Nguyễn Thị Thanh Huyền	29/10/2003	Nữ					
59	TA 146	210173104030049	Trương Thị Thanh Huyền	09/12/2003	Nữ					
60	TA 147	2074802010090	Nay Y Khang	12/02/2002	Nam					
61	TA 148	210174802010107	Nguyễn Đức Khanh	16/04/2003	Nam					
62	TA 149	210173104030050	Trần Thị Khiếu	11/12/2003	Nữ					
63	TA 150	210173104030087	An Mỹ Lan	11/03/2003	Nữ					
64	TA 151	210173104030088	Nguyễn Hà Yến Lan	10/09/2003	Nữ					
65	TA 152	210173104030089	Bùi Thị Lệ	29/08/2003	Nữ					
66	TA 153	210173104030129	Đỗ Quỳnh Liên	23/01/2003	Nữ					

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã đề	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
67	TA 154	2074802010093	Đỗ Thị Kim Liên	16/04/2002	Nữ					
68	TA 155	210173404060096	Phạm Phương Liên	09/08/2000	Nữ					
69	TA 156	210174802010172	Nguyễn Đăng Lim	27/05/2003	Nam					
70	TA 157	210173404060035	Đinh Khánh Linh	27/11/2003	Nữ					
71	TA 158	210173104030090	Đỗ Khánh Linh	21/07/2003	Nữ					
72	TA 159	2074802010094	Đỗ Thị Thuý Linh	26/02/2002	Nữ					
73	TA 160	210171401140089	Dương Thuý Linh	02/04/2003	Nữ					
74	TA 161	210173404060121	Lê Thị Linh	07/06/2003	Nữ					
75	TA 162	220171401140020	Lê Thị Thuý Linh	19/02/2004	Nữ					
76	TA 163	210171401010014	Lương Quang Linh	31/07/2003	Nam					
77	TA 164	220173104030037	Nguyễn Diệu Linh	22/07/2004	Nữ					
78	TA 165	210171401140091	Nguyễn Hải Linh	21/09/2003	Nữ					
79	TA 166	210171401140093	Nguyễn Phương Linh	12/08/2003	Nữ					
80	TA 167	210173104030091	Nguyễn Thị Diệu Linh	12/03/2003	Nữ					
81	TA 168	210171401140020	Nguyễn Thị Hương Linh	14/12/2003	Nữ					
82	TA 169	220173104030039	Nguyễn Thị Linh	24/01/2004	Nữ					
83	TA 170	2073104030042	Nguyễn Thuý Linh	23/01/2001	Nữ					
84	TA 171	210173104030054	Phạm Thị Diệu Linh	13/05/2003	Nữ					
85	TA 172	210173104030155	Trần Thị Linh	16/04/2003	Nữ					
86	TA 173	210173104030022	Trương Khánh Linh	30/11/2003	Nữ					